

勞保給付 一 老年給付常見問答

Chi trả Bảo hiểm xã hội - Hỏi đáp thường gặp về chi trả trợ cấp hưu trí

序號	問題	回答
1	我是外國人，曾經來台灣工作並參加保過勞工保險，我可以請領勞保老年給付嗎？ Tôi là người nước ngoài, đã từng làm việc tại Đài Loan và đã tham gia bảo hiểm lao động, tôi có thể đề nghị chi trả lương hưu không?	勞工保險條例對外國籍被保險人請領老年給付之規定與本國籍被保險人並無不同，依現行勞工保險老年給付相關規定，被保險人於離職退保，年齡及保險年資符合勞工保險條例第 58 條規定之老年給付請領條件，即得向本局請領。 Các quy định của Điều lệ bảo hiểm lao động về chi trả lương hưu cho người nước ngoài được bảo hiểm và người bản địa được bảo hiểm không có gì khác biệt, dựa theo các quy định hiện hành liên quan đến chi trả lương hưu bảo hiểm lao động, người được bảo hiểm sau khi từ chức ngừng bảo hiểm, khi độ tuổi và thâm niên bảo hiểm đáp ứng điều kiện đề nghị chi trả lương hưu theo quy định Điều 58 Điều luật bảo hiểm lao động, có thể nộp đơn lên Cục để đề nghị chi trả.
2	如已結束在臺工作回至母國，是否可以申請老年給付？應如何申請？ Nếu đã kết thúc công việc ở Đài Loan về nước, có được đề nghị chi trả lương hưu không? Làm thế nào để đề nghị chi trả ?	如曾經在台灣工作並參加勞工保險，年齡及勞保年資符合勞工保險條例第 58 條規定，即使已經回母國，仍可請領勞保老年給付。申請時應檢具相關紙本文件郵寄本局辦理。 Nếu đã từng làm việc tại Đài Loan và tham gia bảo hiểm lao động, độ tuổi và thâm niên bảo hiểm đáp ứng quy định tại Điều 58 Điều luật bảo hiểm lao động, mặc dù đã về nước, vẫn có thể đề nghị chi trả lương hưu. Khi đề nghị chi trả cần đính kèm giấy tờ liên quan thông qua gửi bưu điện gửi đến Cục để làm thủ tục.
3	外國人申請勞工保險老年給付要準備哪些文件？ Người nước ngoài đề nghị chi trả lương hưu bảo hiểm lao	請檢具下列資料郵寄至本局（100232 台北市中正區羅斯福路 1 段 4 號）辦理。 Vui lòng chuẩn bị các loại giấy tờ dưới đây gửi bưu điện đến Cục để làm thủ tục chi trả（100232 Số 4

序號	問題	回答
	động cần chuẩn bị những giấy tờ gì?	đoạn 1 đường Roosevelt Khu Trung Chính thành phố Đài Bắc) 1. 勞工保險老年給付申請書及給付收據。 1. Đơn đề nghị và biên lai thanh toán chi trả lương hưu bảo hiểm lao động. 2. 金融機構存簿封面影本 (如為國外帳戶須為美金帳戶, 並請以英文註明銀行名稱、銀行地址、帳號、戶名、帳號及匯款所需之 swift code) 2. Bản photo bìa tài khoản ngân hàng (Nếu là tài khoản nước ngoài phải là tài khoản USD, đồng thời tên ngân hàng, địa chỉ ngân hàng, số tài khoản, tên chủ tài khoản, swift code cần khi chuyển khoản đều phải được chú thích bằng tiếng Anh.) 3. 未於國內設有戶籍者, 應檢附經我國駐外單位驗證之身分或居住相關證明文件。另如有保留參歷次在我國參加勞保期間之身份文件影本 (如護照影本、居留證影本, 並於影本簽名) 等證明文件可一併檢附。 3. Người không có hộ khẩu trong nước, cần đính kèm giấy tờ chứng minh nơi cư trú hoặc chứng minh nhân thân liên quan được công chứng bởi các cơ quan lãnh sự của Đài Loan ở nước ngoài. Ngoài ra có thể đính kèm nếu còn lưu giữ bản sao giấy tờ xác nhận nhân thân trong thời gian tham gia bảo hiểm lao động ở Đài Loan (Ví dụ bản sao hộ chiếu, bản sao thẻ cư trú, đồng thời ký tên trên bản sao). 4. 符合擔任具有危險、堅強體力等特殊性質之工作退職者, 須另檢附工作證明文件。 4. Người được bảo hiểm đã ngừng bảo hiểm phù hợp điều kiện làm công việc có tính chất nguy hiểm, công việc thể lực nặng nhọc có tính đặc thù, phải đính kèm các giấy tờ chứng minh công việc.
4	勞工保險老年給付有無申請期間的限制? Chi trả lương hưu bảo hiểm lao động có hạn chế thời gian đề nghị chi trả không?	被保險人若符合請領老年給付規定, 得於離職退保後向本局提出申請勞工保險老年給付, 不論一次性老年給付或按月領取之老年年金給付皆不受請求權時效規定之限制。但是勞保老年年金給付依規定應自申請之當月起發給。

序號	問題	回答
		Khi đã đáp ứng các quy định đề nghị chi trả lương hưu, sau khi đã từ chức ngừng bảo hiểm, người được bảo hiểm được đưa ra đề nghị chi trả lương hưu bảo hiểm lao động. Bất kể chi trả lương hưu một lần hay chi trả lương hưu hàng tháng đều không có quy định hạn chế thời hiệu đề nghị chi trả. Nhưng chi trả lương hưu bảo hiểm lao động sẽ được cấp phát tính từ tháng đưa ra đề nghị chi trả.
5	請領老年給付的年齡，係按實足年齡抑或虛齡為準？ Khi đề nghị chi trả hưu trí, sẽ tính tuổi dựa theo tuổi thực tế hay tuổi ta?	依戶籍記載，自出生之日起實足計算。 Theo đăng ký hộ khẩu, bắt đầu tính từ ngày sinh.
6	我在 98 年 1 月 1 日勞保年金實施後才參加勞保，以後我是不是也可以一次請領老年給付？ Tôi tham gia bảo hiểm lao động sau khi chế độ hưu trí bảo hiểm lao động có hiệu lực từ ngày 01/01/2009. Sau này tôi có thể nộp đơn đề nghị hưởng trợ cấp hưu trí một lần không?	不可以。如果您在勞保年金實施後才參加勞保，將來老年退休時，如果年資滿 15 年以上，只能請領「老年年金」；如果年資未滿 15 年，只能請領「老年一次金」 Không được. Nếu bạn tham gia bảo hiểm lao động sau khi chế độ hưu trí bảo hiểm lao động có hiệu lực, trong tương lai khi bạn nghỉ hưu, nếu thâm niên từ 15 năm trở lên, chỉ có thể nhận 「lương hưu hàng tháng」；nếu thâm niên chưa đủ 15 năm, chỉ có thể nhận 「trợ cấp hưu trí một lần」.
7	勞保年金施行時我是 50 歲，請問我要到何時才能請領老年年金給付？ Khi chế độ hưu trí bảo hiểm lao động có hiệu lực lúc đấy tôi 50 tuổi. Xin hỏi đến khi nào tôi mới có thể đề nghị chi trả hưu trí？	因為老年年金的請領年齡會逐步提高，從年金施行之日起，第 10 年（即民國 107 年）提高 1 歲（為 61 歲），以後每 2 年提高 1 歲，至 65 歲為止（即民國 115 年）；所以假設您是 48 年出生，勞保年資合計滿 15 年，當您年滿 62 歲時才能請領老年年金給付。 Vì độ tuổi đề nghị chi trả hưu trí sẽ tăng dần lên, khi chế độ hưu trí bảo hiểm lao động có hiệu lực, năm thứ 10 (tức năm 2018 của Trung Hoa Dân Quốc), độ tuổi được nâng lên 1 tuổi (lên 61 tuổi), sau mỗi 2 năm sẽ tăng lên 1 tuổi, cho đến năm 65

序號	問題	回答
		tuổi (tức là năm 2026 của Trung Hoa Dân Quốc) ; giả sử bạn sinh năm 1959, thâm niên bảo hiểm lao động tổng là 15 năm, bạn có thể đề nghị chi trả hưu khi bạn đủ 62 tuổi.
8	我已經離職退保多年，如果在 65 歲要申請老年給付，請問還要經過投保單位蓋章嗎？ Tôi đã nghỉ việc và ngừng bảo hiểm nhiều năm, nếu tôi muốn đề nghị chi trả hưu trí ở tuổi 65, xin hỏi đơn vị đóng bảo hiểm có cần phải đóng dấu không?	如果您已經離職退保很多年，並且已經符合老年給付條件，將來要申請老年給付的時候，可以免經投保單位蓋章證明。 Nếu bạn đã nghỉ việc và ngừng bảo hiểm nhiều năm, và cũng đáp ứng đủ điều kiện hưởng chi trả hưu trí, bạn sẽ không cần phải xin giấy chứng nhận có đóng dấu của đơn vị đóng bảo hiểm khi nộp đơn đề nghị chi trả hưu trí trong tương lai.
9	如果我 99 年 1 月已經 60 歲，保險年資 25 年，並已退出勞保，本來還想再找工作，但到 62 歲還是沒有找到，這樣我可以領多少老年年金？ Nếu tôi 60 tuổi vào tháng 1 năm 2010, bảo hiểm thâm niên là 25 năm và đã ngừng bảo hiểm, ban đầu định sẽ lại tìm công việc nhưng cho đến năm 62 tuổi vẫn chưa tìm được, như vậy tôi có thể nhận được bao nhiêu tiền chi trả lương hưu ?	1.雖然您已退出勞保，但您已經符合老年年金給付條件，仍然可依展延年金之計算方式，每延後 1 年請領，就增給 4%，最多增給 20%。 1. Mặc dù bạn đã ngừng bảo hiểm đáp ứng các yêu cầu của đề nghị chi trả hưu trí, vẫn có thể được tính theo phương pháp của trì hoãn chi trả lương hưu hàng tháng, cứ mỗi 1 năm bạn trì hoãn đề nghị chi trả sẽ được tăng thêm 4%, cao nhất sẽ được tăng đến 20%. 2.舉例：假設您 62 歲提出申請，保險年資仍是 25 年，如以加保期間最高 60 個月平均月投保薪資 32,000 元來計算。每月可領老年年金金額：$32,000 \times 25 \times 1.55\% = 12,400$，$12,400 \times (1 + 4\% \times 2) = 13,392$ 元。 2. Ví dụ: Giả sử bạn đề nghị chi trả năm 62 tuổi, bảo hiểm thâm niên là 25 năm, nếu tính theo mức lương trung bình hàng tháng trong khoảng thời gian bảo hiểm tối đa 60 tháng là 32.000 Đài tệ, mỗi tháng có thể nhận được số tiền chi trả hưu trí: $32,000 \times 25 \times 1.55\% = 12,400$，$12,400 \times (1 + 4\% \times 2) = 13,392$ Đài tệ.
10	如果我在 99 年 4 月已經滿 60 歲，保險年資 30 年，並已退	1.雖然您延後請領老年年金不滿 1 年，但還是會依照您延後請領的實際月數按比例計算增給年

序號	問題	回答
	出勞保，到 99 年 12 月才提出申請，延後請領還不滿 1 年，是不是就不能增給年金金額？ Nếu tôi 60 tuổi vào tháng 4 năm 2010, bảo hiểm thâm niên là 30 năm và đã ngừng bảo hiểm, đến tháng 12 năm 2010 mới nộp đơn xin đề nghị, trì hoãn chưa đến 1 năm thì số tiền trợ cấp được lĩnh có được tăng lên không?	金。您延後請領的期間是自 5 月算到 12 月共 8 個月，則以「12 分之 8」年 (0.67 年) 計，按「0.67 年×4%」比例增給。 1. Mặc dù bạn đã trì hoãn việc nhận lương hưu dưới một năm, lương hưu vẫn sẽ được tăng theo tỷ lệ với số tháng thực tế bạn trì hoãn. Khoảng thời gian bạn trì hoãn nhận lương hưu là 8 tháng, tính từ tháng 5 đến tháng 12, do đó được tính là「8/12」năm (0.67 năm), mức tăng sẽ dựa trên tỷ lệ「0,67 năm x 4%」. 2.舉例：假設以加保期間最高 60 個月平均月投保薪資 32,000 元來計算。每月可領老年年金金額：$32,000 \times 30 \times 1.55\% = 14,880$，$14,880 \times (1 + 4\% \times 0.67) = 15,279$ 元。 2. Ví dụ: Giả sử nếu tính theo mức lương trung bình hàng tháng trong khoảng thời gian bảo hiểm tối đa 60 tháng là 32.000 Đài tệ, mỗi tháng có thể nhận được số tiền chi trả hưu trí: $32,000 \times 30 \times 1.55\% = 14,880$，$14,880 \times (1 + 4\% \times 0.67) = 15,279$ Đài tệ.
11	聽說老年年金可以提前領，是真的嗎？ Tôi nghe nói chi trả lương hưu có thể được lĩnh sớm, có đúng vậy không?	1.是的。如果被保險人保險年資合計滿 15 年，但尚未符合法定老年年金請領年齡，得提前 5 年請領老年年金，每提前 1 年，依原計算金額減給 4%。 1. Đúng vậy, nếu người được bảo hiểm có thâm niên bảo hiểm được 15 năm, nhưng nếu không đáp ứng độ tuổi theo luật định để hưởng chi trả lương hưu, có thể nộp đơn xin chi trả lương hưu sớm 5 năm, cứ mỗi 1 năm bạn đề nghị chi trả sớm sẽ bị giảm 4% dựa trên số tiền tính toán ban đầu. 2.舉例：陳先生是 45 年出生，60 歲可以領老年年金，到 57 歲時想提早退休，保險年資 32 年又 11 個多月，加保期間最高 60 個月平均月投保薪資 32,000 元，因為他提前 3 年請領老年年金。每月年金金額：$32,000 \times (32 + 1) \times 1.55\% = 16,368$，$16,368 \times (1 - 4\% \times 3) = 14,404$ 元。

序號	問題	回答
		2. Ví dụ: Ông Trần sinh năm 1956, năm 60 tuổi có thể nộp đơn xin chi trả lương hưu, có thể về hưu sớm ở năm 57 tuổi, thâm niên bảo hiểm là 32 năm và 11 tháng hơn, mức lương trung bình hàng tháng trong khoảng thời gian bảo hiểm tối đa 60 tháng là 32.000 Đài tệ, mỗi tháng có thể nhận được số tiền chi trả hưu trí: $32,000 \times (32 + 1) \times 1.55\% = 16,368$ $16,368 \times (1 - 4\% \times 3) = 14,404 \text{ Đài tệ.}$
12	如果我提前 3 年請領老年年金，領了 3 年後到 60 歲時，是不是可改領全額的老年年金，不必再扣減比例？ Nếu tôi nộp đơn đề nghị chi trả lương hưu trước ba năm và sau ba năm khi tôi đủ 60 tuổi, tôi có thể chuyển sang nhận toàn bộ chi trả lương hưu mà không bị khấu trừ tỷ lệ đó không?	不行，提前請領後減給比例不會再變更。所以您到 60 歲以後，仍然是依照原減給計算後的金額，按月領取老年年金。 Không được, tỷ lệ giảm trừ sẽ không thay đổi sau khi bạn nộp đơn đề nghị sớm, cho nên sau khi bạn đủ 60 tuổi, số tiền vẫn được tính dựa trên mức giảm ban đầu nhận chi trả lương hưu theo hàng tháng.
13	如果提前請領老年年金，領了一段時間又找到工作，可以反悔不領嗎？ Nếu tôi nộp đơn đề nghị lương hưu hàng tháng, sau khi được nhận trợ cấp trong một thời gian và sau đó tìm được việc làm, tôi có thể thay đổi quyết định không?	不可以，依照規定，老年給付經本局核付後，不得變更。 Không được, theo quy định, chế độ chi trả hưu trí không thể thay đổi sau khi được cục phê duyệt.
14	被保險人在 7 月 31 日月底離職退保，同時申請勞保老年年金給付，老年年金什麼時候開始發給？ Người được bảo hiểm thôi việc dừng bảo hiểm vào cuối tháng ngày 31 tháng 7, đồng thời đề	1. 被保險人請領勞保老年年金給付，應以離職退保之翌日始具備請領資格。因此被保險人在 7 月 31 日月底離職退保，同時申請老年年金給付，其在 8 月 1 日始具備請領老年年金給付資格，所以老年年金從 8 月起按月發給，並於 9 月底入帳。 1. Khi người được bảo hiểm đề nghị chi trả lương hưu bảo hiểm lao động, sẽ đủ điều kiện đề nghị chi

序號	問題	回答
	nghe chi trả lương hưu bảo hiểm lao động, lương hưu sẽ bắt đầu chi trả từ thời điểm nào?	trả tính từ ngày tiếp theo sau ngày thôi việc dừng bảo hiểm. Vì vậy người được bảo hiểm thôi việc dừng bảo hiểm vào cuối tháng ngày 31 tháng 7, đồng thời đề nghị chi trả lương hưu, sẽ đủ điều kiện đề nghị chi trả lương hưu bắt đầu từ ngày 1 tháng 8, do đó lương hưu sẽ được cấp phát theo tháng bắt đầu từ tháng 8, đồng thời được chi trả vào tài khoản từ cuối tháng 9. 2.詳細説明請參考本局 101 年 6 月 20 日保給老字第 10112037730 號函。 2. Mọi chi tiết vui lòng tham khảo công hàm bảo hiểm lão tự số 10112037730 ngày 20 tháng 6 năm 2012 của Cục bảo hiểm.
15	勞保老年給付是不是只要符合年資和年齡的規定就可以請領? Chi trả lương hưu bảo hiểm lao động có phải chỉ cần đáp ứng quy định thâm niên và độ tuổi là có thể đề nghị chi trả không?	除了年資及年齡要符合勞工保險條例第 58 條規定之外，被保險人還必須確實離職退保，在老年給付申請書填上離職退保日期（在職最後一天），才符合請領的要件。 Ngoài yêu cầu đáp ứng điều kiện về thâm niên và độ tuổi được quy định tại điều 58 Điều lệ bảo hiểm lao động, người được bảo hiểm bắt buộc phải thôi việc dừng bảo hiểm, điền rõ ngày tháng thôi việc dừng bảo hiểm trên đơn đề nghị chi trả lương hưu (ngày cuối cùng tại chức), mới đủ điều kiện đề nghị chi trả.
16	老年給付申請一次請領和申請按月領取年金，年資計算規定有不同嗎? Đề nghị chi trả lương hưu một cục và chi trả lương hưu hàng tháng, quy định tính thâm niên có khác nhau không?	如果選擇一次請領老年給付，保險年資合計每滿 1 年，按平均月投保薪資發給 1 個月；保險年資合計超過 15 年者，超過部分，每滿 1 年發給 2 個月，最高以 45 個月為限；逾 60 歲繼續工作者，逾 60 歲以後之保險年資，最多以 5 年計，合併 60 歲以前之一次請領老年給付，最高以 50 個月為限。如果選擇領取年金，則保險年資沒有上限規定，可計算至退保當日止。 Nếu lựa chọn đề nghị chi trả lương hưu một cục, thâm niên bảo hiểm tổng cộng cứ đủ 1 năm sẽ được cấp phát 1 tháng mức lương bình quân đóng

序號	問題	回答
		bảo hiểm; nếu tổng thâm niên bảo hiểm vượt quá 15 năm, cứ mỗi đủ 1 năm sẽ được cấp phát 2 tháng, hạn mức cao nhất là 45 tháng; với người lao động vẫn tiếp tục làm việc sau 60 tuổi, số thâm niên bảo hiểm tính từ sau 60 tuổi, nhiều nhất là 5 năm, đề nghị chi trả lương hưu một cục cộng gộp thâm niên trước 60 tuổi, hạn mức cao nhất là 50 tháng. Nếu lựa chọn đề nghị chi trả lương hưu hàng tháng, thì thâm niên bảo hiểm không có quy định giới hạn, sẽ tính đến ngày dừng bảo hiểm.
17	選擇一次請領勞保老年給付者，60 歲以後如果繼續在職工作，而年資累計已達 5 年無法再增加，是不是可以先辦理退保？ Người lựa chọn đề nghị chi trả lương hưu một cục, nếu sau 60 tuổi vẫn tiếp tục làm việc, và thâm niên tích lũy đã đủ 5 năm không thể tăng thêm, có thể làm thủ tục dừng bảo hiểm trước đúng không?	1. 勞工保險為在職保險，依照規定，60 歲至 65 歲的勞工，只要受僱於已辦理工商登記並僱用員工 5 人以上的事業單位，即為勞工保險的強制投保對象，除非員工離職，否則不得退保，申報在職員工退保者，經查證屬實，將依規定核處未加保期間應負擔保險費的 4 倍罰款，員工如因此遭受給付上的損失，亦應由投保單位負責賠償。 1. Bảo hiểm lao động là bảo hiểm trong thời gian làm việc, theo quy định, người lao động từ 60 đến 65 tuổi, chỉ cần được tuyển dụng bởi đơn vị sự nghiệp đã làm thủ tục đăng ký doanh nghiệp và có số lao động từ 5 người trở lên, sẽ là đối tượng bắt buộc đóng bảo hiểm của bảo hiểm lao động; trừ trường hợp lao động đã thôi việc, nếu không không được ngừng bảo hiểm. Khi khai báo lao động đương chức ngừng bảo hiểm, sau khi xác nhận đúng thực tế, sẽ xử phạt gấp 4 lần số phí bảo hiểm trong thời gian không đóng bảo hiểm theo quy định; nếu vì lý do trên dẫn đến việc lao động bị thiệt hại về chi trả bảo hiểm, sẽ do đơn vị đóng bảo hiểm chịu trách nhiệm bồi thường. 2. 為使高齡工作者於工作期間仍能享有勞工保險的相關保障，在職勞工年逾 65 歲後仍繼續工作者，可以選擇繼續參加勞工保險。 2. Để lao động cao tuổi vẫn được đảm bảo quyền

序號	問題	回答
		lợi bảo hiểm lao động liên quan trong thời gian làm việc, lao động đương chức quá 65 tuổi vẫn tiếp tục làm việc, được lựa chọn tiếp tục tham gia bảo hiểm lao động.
18	一次請領勞保老年給付者，其 60 歲以後年資最多只採計 5 年，那無法計算年資的投保期間，是不是可以在請領老年給付時辦理退費？ Lao động đề nghị chi trả lương hưu một cục thì số thâm niên làm việc sau 60 tuổi nhiều nhất chỉ tính 5 năm; vậy quãng thời gian đóng bảo hiểm ko thể tính vào thâm niên, có thể đề nghị hoàn trả khi làm thủ tục đề nghị chi trả lương hưu không?	勞工保險為綜合保險，保費並非只保障老年退休生活，勞保被保險人於加保期間還享有勞工保險相關保障(如生育、傷病、失能及死亡…等)。因此，縱於申請老年給付時，年資無法併入計算，已繳交的保險費亦無法退還。 Bảo hiểm lao động là bảo hiểm tổng hợp, phí bảo hiểm không chỉ bảo đảm cuộc sống sau khi về hưu, trong thời gian tham gia bảo hiểm, lao động còn được hưởng các quyền lợi bảo hiểm liên quan (ví dụ chi trả thai sản, thương tật, tàn tật và tử tuất...vv). Vì vậy, mặc dù khi đề nghị chi trả lương hưu, một phần thâm niên không được tính , nhưng chi phí bảo hiểm đã đóng sẽ không được hoàn trả.
19	選擇一次請領老年給付還是年金比較有利？一次請領可領多少？領年金每月可領多少？勞保局可以提供試算參考嗎？ Lựa chọn đề nghị chi trả lương hưu một cục hay chi trả lương hưu hàng tháng thì có lợi hơn? Chi trả một cục sẽ được lĩnh bao nhiêu? Lương hưu hàng tháng sẽ được lĩnh bao nhiêu? Cục bảo hiểm có cung cấp cách tính tham khảo không?	老年給付一經本局核付後，即不得變更，所以被保險人申請老年給付前，可先試算一次請領老年給付或按月領取老年年金的金額，審慎考量何者符合自身需求後，再提出申請，以保障自身權益。試算老年給付金額的方式有下列 4 種： Sau khi được Cục xét duyệt chi trả, chi trả lương hưu sẽ không thể thay đổi, vì vậy trước khi đề nghị chi trả lương hưu, người được bảo hiểm có thể tính thử mức lương hưu một cục hoặc lương hưu hàng tháng, sau khi cân nhắc kỹ lựa chọn loại chi trả phù hợp với nhu cầu của bản thân, mới làm thủ tục đề nghị chi trả, để đảm bảo quyền lợi của bản thân. Có 4 cách tính thử mức chi trả lương hưu dưới đây: 1.在本局全球資訊網，依序點選「便民服務/簡易試算/勞保、就保、災保給付及津貼補助金額試算/勞工保險」之「一次請領老年給付」或「老年年金給付」，輸入自行估算之保險年資及平均月投保薪資簡易試算。

序號	問題	回答
		1.Đăng nhập vào website thông tin toàn cầu của Cục, lựa chọn theo thứ tự 「 Dịch vụ tiện ích/ Tính thử đơn giản/Tính thử mức chi trả và trợ cấp,phụ cấp bảo hiểm lao động, tự nguyện, tai nạn lao động /bảo hiểm lao động 」 vào mục 「 Chi trả lương hưu một cục 」 hoặc 「 Chi trả lương hưu hàng tháng 」 ,nhập mức lương bình quân tháng và thâm niên bảo hiểm để tính thử. 2.登入「個人網路申報及查詢作業」後，點選「試算/勞工保險老年給付金額試算」，輸入退職（保）日期及預計申請年月試算。 2.Đăng nhập 「 Thao tác tra cứu và khai báo cá nhân online 」 , sau đó nhấn vào 「 Tính thử/Tính thử mức chi trả lương hưu bảo hiểm lao động 」 , nhập ngày tháng tham gia bảo hiểm và ngày tháng thôi việc(ngừng bảo hiểm) và dự tính ngày tháng đề nghị chi trả để tính thử. 3.本人攜帶身分證明文件，親自洽本局各地辦事處查詢。 3.Người lao động mang theo giấy tờ chứng minh nhân thân tự đến văn phòng đại diện của Cục tại địa phương để tra cứu. 4.本人檢附身分證影本，以書面方式來函查詢。 4.Người lao động đính kèm bản sao chứng minh thư , sử dụng hình thức văn bản gửi đến Cục để tra cứu.
20	負責人是否一定要加勞保？以後可以申請老年給付嗎？領了老年給付後就不能再當負責人了嗎？ Người đại diện có nhất thiết phải tham gia bảo hiểm lao động không? Sau này có được đề nghị chi trả lương hưu không? Sau khi nhận chi trả lương hưu thì có thể tiếp tục	1.依照勞工保險條例第 8 條規定，實際從事勞動的雇主，才能與其受僱員工，以同一投保單位參加勞工保險，屬勞保自願投保對象。 1.Dựa theo quy định tại điều 8 Điều lệ bảo hiểm lao động, chủ sử dụng lao động có làm việc thực tế, mới có thể tham gia bảo hiểm lao động cùng với các lao động được thuê khác tại cùng một đơn vị bảo hiểm; thuộc loại đối tượng tham gia bảo hiểm lao động tự nguyện. 2.實際從事勞動的雇主如依法加保為被保險人，

序號	問題	回答
	làm người phụ trách nữa không?	得享有的勞保各項保險給付權益，與受僱的被保險人相同，其離職退保如符合勞工保險條例第 58 條規定，得請領老年給付。 2. Chủ sử dụng lao động có thực tế làm việc nếu tham gia bảo hiểm lao động theo luật là người được bảo hiểm, được hưởng mọi quyền lợi chi trả bảo hiểm lao động, cũng giống như các lao động được tuyển dụng khác, được đề nghị chi trả lương hưu theo quy định sau khi thôi việc dừng bảo hiểm và đáp ứng điều kiện tại điều 58 Điều lệ bảo hiểm lao động. 3. 投保單位不會因為負責人退休領取老年給付，就無法繼續擔任該單位負責人。但公司證照負責人如已變更，就須向本局辦理變更負責人手續。 3. Đơn vị đóng bảo hiểm sẽ không vì người phụ trách nghỉ hưu lĩnh chi trả lương hưu mà không thể tiếp tục làm người phụ trách của công ty nữa. Nhưng nếu người phụ trách công ty trên giấy phép đã thay đổi, phải làm thủ tục thay đổi người phụ trách nộp lên Cục.
21	老年給付要不要扣稅？ Chi trả lương hưu có phải trừ thuế không?	依照勞工保險條例施行細則第 2 條第 3 款規定，被保險人或其受益人領取之保險給付，依稅法有關規定免徵稅捐。所得稅法第 4 條第 1 項第 7 款規定，勞工保險之保險給付免納所得稅。所以勞保的老年給付免納所得稅。 Theo quy định tại khoản 3 điều 2 nguyên tắc thực thi Điều luật bảo hiểm lao động, khi người được bảo hiểm hoặc người thụ hưởng bảo hiểm lĩnh chi trả bảo hiểm, được miễn thuế theo quy định liên quan của luật Thuế.
22	領取老年年金之後死亡，遺屬要通知勞保局嗎？ Người tử vong sau khi lĩnh lương hưu hàng tháng, thân nhân có cần thông báo Cục bảo	要。因為老年年金是發到領取人死亡當月止，如果有未及撥入死者帳戶的老年年金，得由其法定繼承人請領。因此遺屬通知本局後，本局會寄公文告訴遺屬如何辦理未及入帳的老年年金，及領取遺屬年金的資格，如果死者有老年

序號	問題	回答
	hiếm không?	給付の差額，公文内還會檢附申請書，由符合規定的受益人選擇請領差額。 Có. Vì lương hưu hàng tháng cấp phát đến tháng người lĩnh lương tử vong, nếu còn một phần lương hưu chưa kịp cấp phát vào tài khoản của người đã khuất, sẽ do người thừa kế đưa ra đề nghị chi trả theo luật định. Vì vậy sau khi thân nhân thông báo đến Cục, Cục sẽ phát công văn thông báo đến thân nhân nêu rõ phương thức đề nghị chi trả phần lương hưu chưa kịp cấp phát, và điều kiện lĩnh trợ cấp thân nhân. Nếu người đã khuất có phần chênh lệch chi trả lương hưu, nội dung công văn sẽ đính kèm đơn đề nghị chi trả, sẽ do người thụ hưởng phù hợp quy định lựa chọn đề nghị chi trả phần chênh lệch.
23	老年給付可以匯入國外帳戶嗎？ Chi trả lương hưu có thể chuyển vào tài khoản nước ngoài hay không?	依照勞工保險條例施行細則第 48 條規定，保險給付應逕匯入被保險人之帳戶，金融機構帳戶在國外者，手續費用由請領保險給付之被保險人負擔。所以勞保老年給付可以匯到被保險人的國外帳戶，但需自行負擔手續費，又為匯款作業程序需要，請提供被保險人英文姓名、銀行及分行英文名稱、分行銀行英文地址、SWIFT CODE 及受款人國外英文地址（須分別載明國別、城市及其餘地址）等國外帳戶資料（國外匯款帳戶資料表下載）。 Dựa theo quy định tại điều 48 phương thức thực thi Điều luật bảo hiểm lao động, chi trả bảo hiểm phải được chuyển vào tài khoản của người được bảo hiểm. Nếu tài khoản thuộc đơn vị tài chính ở nước ngoài, chi phí thủ tục sẽ do người được bảo hiểm đề nghị chi trả bảo hiểm thanh toán. Vì vậy chi trả lương hưu bảo hiểm lao động có thể chuyển vào tài khoản nước ngoài của người được bảo hiểm, nhưng sẽ phải tự chi trả chi phí thủ tục, và do nhu cầu của lưu trình thao tác chuyển khoản, vui lòng cung cấp những dữ liệu của tài khoản nước

序號	問題	回答
		ngoài như tên tiếng Anh của người được bảo hiểm, tên tiếng Anh của ngân hàng và chi nhánh ngân hàng, tên tiếng Anh địa chỉ của chi nhánh ngân hàng, SWIFT CODE và địa chỉ bằng tiếng Anh của người nhận tiền ở nước ngoài (phải ghi rõ cụ thể tên nước, thành phố và địa chỉ còn lại) (Tải xuống biểu dữ liệu tài khoản nước ngoài) .